

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/8/2020

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàng và ông Phạm Ngọc Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Kiều Thị Kim T** - sinh năm 1986; Địa chỉ: thôn Đ, xã M, huyện A, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đình C** - sinh năm 1985; Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Kiều Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Phú Yên chứng nhận ngày 09/9/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại nhà cha mẹ chồng rồi về sống tại nhà cha mẹ chị. Sau đó vợ chồng chị xây nhà riêng tại thôn Đ, xã M, huyện A. Thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2014, giữa chị và anh C xảy ra mâu thuẫn do anh C không chăm lo cho gia đình, chỉ quan tâm đến cá nhân anh. Chị và gia đình có khuyên can nhưng anh C không nghe. Bản thân chị nghĩ có con anh sẽ thay đổi cách sống nhưng khi anh chị có con anh C vẫn không thay đổi tính cách. Anh uống bia rượu rồi gây chuyện với vợ con. Anh thường xuyên đi từ sáng sớm và đến tối khuya mới về nhà. Chị đã từng nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng được hòa giải và cũng mong muốn anh C thay đổi cách sống nên rút đơn khởi kiện nhưng giữa anh chị không tìm được tiếng nói chung mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bản thân thấy không hàn gắn hạnh phúc với anh C được nữa, hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân chị và anh C có 01 con chung tên Nguyễn Kiều Huệ L – sinh ngày 09/7/2015, con chung hiện đang sống cùng chị. Chị có nguyện vọng nuôi con chung. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tại đơn khởi kiện chị trình bày không có nhưng nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Đình C trình bày: Anh thống nhất với trình bày của chị T về tình trạng hôn nhân giữa anh và chị T. Mâu thuẫn giữa anh chị là do không có sự tôn trọng lẫn nhau. Chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh thống nhất với trình bày của chị T, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Kiều Huệ L – sinh ngày 09/7/2015, con chung hiện đang sống cùng chị T. Anh đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị T. Anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng, cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kiều Thị Kim T. Về hôn nhân: chị T được ly hôn với anh C. Về con chung: Giao cháu L cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh C không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: nguyên đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Kiều Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đình C. Các đương sự đều có hộ khẩu tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Đình C có lời khai yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị T và anh C xảy ra mâu thuẫn chị T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã H1 (nay là xã H), huyện Tuy An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/9/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp, chị T đề nghị Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung, giữa chị và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh C chỉ quan tâm đến cá nhân anh, không chăm lo gia đình, anh C thường uống rượu, bia, rời khỏi nhà từ sáng sớm và đến khuya mới về, giữa chị và anh C không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay giữa chị và anh C không còn tình cảm. Anh C cũng đồng ý ly hôn với chị T vì cho rằng giữa anh chị không tôn trọng lẫn nhau. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân, chị T và anh C có 01 con chung tên Nguyễn Kiều Huệ L – sinh ngày 09/7/2015. Hiện nay, cháu L đang ở cùng chị T. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giao con cho chị tiếp tục chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu L sống với chị T tình cảm mẹ con gắn bó. Anh C cũng đồng ý nhường quyền nuôi con cho chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về phần con chung. Giao cháu L cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Kiều Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Kiều Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Đình C.

* Về con chung: Giao cháu Nguyễn Kiều Huệ L – sinh ngày 09/7/2015 cho chị Kiều Thị Kim T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về án phí: Chị Kiều Thị Kim T phải chịu **300.000đ** (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền ký hiệu AA/2019/0004301 ngày 12/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Chị T đã nộp đủ.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1);
- VKSND h. A (2);
- THADS h. A (1);
- Đường sự (2);
- UBND xã H (1);
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương